

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Luật Cảnh sát cơ động được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 14/6/2022 (sau đây viết tắt là Luật Cảnh sát cơ động); Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 03/2022/L-CTN ngày 28/6/2022; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT¹

Ngày 23 tháng 12 năm 2013, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII đã thông qua Pháp lệnh Cảnh sát cơ động số 08/2013/UBTVQH13 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014), đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động và xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động. Sau 07 năm triển khai thực hiện Pháp lệnh, Cảnh sát cơ động đã phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt là triển khai đồng bộ các biện pháp, phương án, kế hoạch công tác, tổ chức lực lượng ra quân xử lý kịp thời, có hiệu quả các hoạt động gây phương hại đến an ninh trật tự, bạo loạn, biểu tình bất hợp pháp; trấn áp đối tượng có hành vi phạm tội nguy hiểm, đấu tranh triệt phá các chuyên án, các băng, ổ nhóm tội phạm có tổ chức; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, hội nghị, sự kiện chính trị quan trọng, góp phần phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội và đối ngoại của đất nước.

Tuy nhiên, trước sự phát triển của kinh tế - xã hội, sự thay đổi, điều chỉnh của hệ thống pháp luật, diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ đối với Cảnh sát cơ động ngày càng nặng nề hơn. Bên cạnh đó, Pháp lệnh đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế cần khắc phục để phù hợp với quy định của Hiến pháp và đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Do vậy, việc xây dựng dự án luật Cảnh sát cơ động là cần thiết, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Xây dựng Luật Cảnh sát cơ động, đảm bảo tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013 về việc luật hóa các quy định hạn chế quyền con người, quyền công dân; thống nhất với các quy định của pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động.

¹ Tờ trình số 370/TTr-CP ngày 01/10/2021 của Chính phủ về dự án Luật Cảnh sát cơ động.

- Tại khoản 2, Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Pháp lệnh Cảnh sát cơ động năm 2013 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động được thực hiện nhiều hoạt động liên quan tới hạn chế quyền con người, quyền công dân. Theo đó, Cảnh sát cơ động là lực lượng nòng cốt áp dụng biện pháp vũ trang (*sử dụng sức mạnh thể chất và sức mạnh của vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại được trang bị*) để đấu tranh chống khủng bố, trấn áp, giải quyết các vụ bạo loạn, biểu tình, tụ tập đông người gây rối an ninh trật tự... trực tiếp tác động đến sức khỏe, tính mạng của các đối tượng phạm tội. Bên cạnh đó, để thực hiện nhiệm vụ trong những trường hợp cấp bách, Cảnh sát cơ động được quyền huy động người, phương tiện, trưng dụng tài sản, yêu cầu các cơ quan cung cấp sơ đồ, thiết kế, bản vẽ công trình và được vào nơi ở của cá nhân, trụ sở cơ quan, tổ chức... Vì vậy, để đảm bảo tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013, các quy định trên cần thiết phải được thể hiện ở văn bản luật.

- Mặt khác, trong những năm gần đây Quốc hội đã ban hành nhiều luật chuyên ngành, trong đó có những quy định liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn và xây dựng Cảnh sát cơ động, nhưng mới dừng lại ở các nguyên tắc chung, chưa được quy định cụ thể, như: Tại Khoản 3, Điều 22 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 mới chỉ quy định nguyên tắc chung của việc sử dụng vũ khí quân dụng khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, chưa quy định cụ thể thẩm quyền quyết định sử dụng; trong khi đó, Cảnh sát cơ động là lực lượng được trang bị nhiều loại vũ khí quân dụng, thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, theo đội hình chiến đấu. Tại khoản 1, Điều 5 Luật Công an nhân dân năm 2018 và khoản 3, Điều 26 Luật Quốc phòng 2019 đều xác định: “*Nhà nước xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số lực lượng*”; trong đó Cảnh sát cơ động là lực lượng được ưu tiên tiến thẳng lên hiện đại.

Do vậy, cần luật hóa các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động và quy định cụ thể các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn và xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động để đảm bảo tuân thủ Hiến pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cảnh sát cơ động.

Thứ hai, Luật hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh đối với lực lượng Công an nhân

dân nói chung, Cảnh sát cơ động nói riêng. Cụ thể như: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII của Đảng Cộng sản Việt Nam phần về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã xác định: “... *Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại, trước hết là cho lực lượng Hải quân, Phòng không, không quân, lực lượng An ninh, Tình báo, Cảnh sát cơ động...*”; Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cũng tiếp tục xác định: “... *xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa các lực lượng hải quân, phòng không - không quân, tác chiến điện tử, trinh sát kỹ thuật, cảnh sát biển, tình báo, cơ yếu, an ninh, cảnh sát cơ động...*”. Nghị quyết số 40-NQ/TW ngày 08/11/2004 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Công an trong tình hình mới, Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 03/8/2015 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đều xác định ưu tiên kinh phí, đầu tư trang bị phương tiện đảm bảo cho lực lượng Cảnh sát cơ động tiến thẳng lên hiện đại. Khoản 1, Điều 5, Pháp lệnh Cảnh sát cơ động quy định Nhà nước xây dựng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ngày 31/3/2021 Chính phủ đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-TTg phê duyệt Đề án hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát cơ động đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030.

Do vậy, việc xây dựng Luật Cảnh sát cơ động là một bước quan trọng để thể chế hóa các chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước nhằm xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Thứ ba, Xây dựng Luật Cảnh sát cơ động để đảm bảo phù hợp với tính chất đặc thù của Cảnh sát cơ động và yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Cảnh sát cơ động là lực lượng có tính chất đặc thù so với các lực lượng khác trong Công an nhân dân, được thể hiện ở một số điểm nổi bật như sau: (1) Có chức năng nòng cốt áp dụng biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nhiệm vụ chính của Cảnh sát cơ động là xây dựng các dạng phương án, thường xuyên tổ chức huấn luyện, ứng trực, đảm bảo quân số, vũ khí, trang bị sẵn sàng giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, biểu tình, bạo loạn, khủng bố, bắt cóc con tin, trấn áp các đối

tượng có hành vi phạm tội nguy hiểm, vũ trang tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự... Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Cảnh sát cơ động tác chiến theo đội hình, cơ động nhanh, đấu tranh vũ trang trực diện, xử lý những vụ việc, tình huống phức tạp mà nếu chỉ sử dụng biện pháp, lực lượng khác trong Công an nhân dân thì không giải quyết được. (2) Đối tượng đấu tranh của Cảnh sát cơ động đa dạng, phức tạp, số lượng đông từ các băng, ổ nhóm, tội phạm hình sự, ma túy nguy hiểm có sử dụng các loại vũ khí nóng, đến các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, biểu tình, bạo loạn với số lượng lớn người tham gia, ngoài số đối tượng phản động, cơ hội chính trị cầm đầu xúi dục, còn có sự tham gia của đông đảo người dân bị kích động, lôi kéo. (3) Hoạt động vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, đến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, được dư luận trong nước và quốc tế quan tâm. (4) Cảnh sát cơ động ở Trung ương và địa phương được tổ chức theo mô hình đơn vị vũ trang chiến đấu tập trung, quân số đông, được trang bị nhiều loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật đặc chủng, hiện đại như: súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng trung liên, súng đại liên, súng chống tăng, B40, B41, xe thiết giáp, chống đạn; tàu thủy, máy bay trực thăng.... (5) Để thực hiện nhiệm vụ đòi hỏi lực lượng Cảnh sát cơ động phải được tổ chức huấn luyện thường xuyên, chuyên sâu về võ thuật, quân sự, kỹ chiến thuật chiến đấu ở cường độ cao, trong mọi điều kiện địa hình, địa bàn, thời tiết, khí hậu khắc nghiệt.

Thực tiễn trải qua gần 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng Cảnh sát cơ động đã không ngừng lớn mạnh và lập được nhiều chiến công đặc biệt xuất sắc, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội như: Tham gia chống chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Bắc và Tây Nam; tăng cường lực lượng hỗ trợ Campuchia đấu tranh chống chế độ Khmer Đỏ năm 1978 và 1979; truy quét phản động Fulro ở Tây Nguyên những năm 1980; giải quyết các vụ việc gây rối an ninh trật tự, bạo loạn chính trị, biểu tình bất hợp pháp tại Tây Nguyên năm 2001, năm 2004; tại Mường Nhé, tỉnh Điện Biên năm 2011 và Mường Tè, tỉnh Lai Châu năm 2020 (liên quan đến hoạt động âm mưu thành lập “Nhà nước Mông”); tại Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh năm 2014 (liên quan đến vụ giàn khoan HD981), tại các tỉnh miền Trung năm 2016, 2017 (liên quan đến sự cố môi trường biển); tại Bình Thuận năm 2018 (liên quan đến dự thảo Luật An ninh mạng, Luật Đặc khu kinh tế); tại Ia Chim, Kon Tum năm 2019 và tại Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội năm 2020...; đấu tranh triệt phá các chuyên án ma túy đặc biệt nguy hiểm tại xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình và xã Loóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La... Trước sự mạnh mẽ, hung hãn,

nguy hiểm của các đối tượng phạm tội, sẵn sàng sử dụng các loại vũ khí nóng để chống trả lực lượng chức năng, Cảnh sát cơ động đã sử dụng biện pháp vũ trang với sức mạnh của lực lượng cùng với các loại vũ khí, phương tiện, công cụ hỗ trợ để tấn công trấn áp, tiêu diệt, bắt giữ, nhanh chóng ổn định tình hình. Quá trình thực hiện nhiệm vụ có nhiều cán bộ, chiến sĩ bị thương, hy sinh anh dũng để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là xung đột vũ trang, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế, biểu tình, bạo loạn; các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia... tác động ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh, trật tự tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các thế lực thù địch từ bên ngoài tiếp tục câu kết với các đối tượng phản động, cơ hội chính trị, cực đoan ở trong nước triệt để lợi dụng các vấn đề liên quan đến tranh chấp biển, đảo, khiếu kiện, đình công, lãn công và các vấn đề xã hội làm nảy sinh dư luận và bức xúc trong Nhân dân để tiến hành hoạt động chống phá Việt Nam. Các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, hình sự, tội phạm sử dụng công nghệ cao; các vấn đề xã hội phát sinh do sự bùng phát và hậu quả của dịch bệnh Covid-19... vẫn là những thách thức lớn cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm bảo đảm an ninh, trật tự của Cảnh sát cơ động.

Với tính chất đặc thù và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, đòi hỏi phải xây dựng các quy định ở tầm luật để điều chỉnh về hoạt động, tổ chức, trang bị, chế độ, chính sách của Cảnh sát cơ động.

Thứ tư, xây dựng Luật Cảnh sát cơ động nhằm giải quyết một số vấn đề bất cập của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động.

- Tại khoản 1 Điều 4 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động quy định thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính ủy, chính trị viên ở Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động. Tuy nhiên tại Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trong đó xác định: “... *thống nhất thực hiện chế độ thủ trưởng đơn vị đồng thời làm bí thư cấp ủy, kết thúc việc thực hiện quy định số 216-QĐ/TW ngày 09/12/2013 của Ban Bí thư về thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên ở Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động*”. Tại khoản 3 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động quy định Cảnh sát cơ động có nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, theo quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Cảnh sát cơ động không được giao nhiệm vụ tiến hành các hoạt động điều tra.

- Quy định về thẩm quyền điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ đã bộc lộ một số bất cập, đó là: Điều 10, Pháp lệnh Cảnh sát cơ động quy định Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền điều động các đơn vị Cảnh sát cơ động đến cấp Tiểu đoàn trực thuộc, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền điều động đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền (có thể là cấp Trung đoàn như Công an TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh). Như vậy, chưa có sự tương xứng về thẩm quyền điều động so với quy mô tổ chức và quân số của Cảnh sát cơ động ở Bộ Tư lệnh và Công an địa phương. Bên cạnh đó, Pháp lệnh chưa quy định thẩm quyền của Tư lệnh và Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ trong những trường hợp khẩn cấp, cấp bách. Vì vậy, chưa phát huy được tính kịp thời, cơ động nhanh để giải quyết các vụ việc yêu cầu cần phải xử lý ngay.

- Pháp lệnh hiện hành quy định Cảnh sát cơ động được quyền trưng dụng tài sản phục vụ thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, quy định tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008 thì thẩm quyền này là của Bộ trưởng Bộ Công an và không phân cấp cho cấp dưới.

- Thực tiễn thi hành nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát cơ động, nhất là trong giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự có sự tham gia, phối hợp của nhiều lực lượng, cơ quan, tổ chức có liên quan. Tuy nhiên, Pháp lệnh Cảnh sát cơ động chưa có quy định cụ thể về công tác phối hợp giữa Cảnh sát cơ động với cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng có liên quan, nên quá trình thực hiện đã gặp nhiều lúng túng, hiệu quả chưa cao.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, việc xây dựng Luật Cảnh sát cơ động là cần thiết, phù hợp với yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

II. BỐ CỤC CỦA LUẬT CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Luật Cảnh sát cơ động gồm 05 chương, 33 điều, cụ thể như sau:

1. Chương I. Những quy định chung: Gồm 8 điều (*từ Điều 1 đến Điều 8*), quy định về: (1) phạm vi điều chỉnh; (2) giải thích từ ngữ; (3) vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động; (4) nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động; (5) xây dựng Cảnh sát cơ động; (6) ngày truyền thống của Cảnh sát cơ động; (7) hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động; (8) các hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát cơ động: Gồm 13 điều (*từ Điều 9 đến Điều 21*), quy định về: (1) nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động; (2) quyền hạn của Cảnh sát cơ động; (3) bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học-

kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; (4) tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự; (5) vào trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân để chống khủng bố, giải cứu con tin; (6) biện pháp công tác của Cảnh sát cơ động; (7) sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; (8) huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự; (9) hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động; (10) nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; (11) trách nhiệm của Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an tỉnh; (12) điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ; (13) phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động.

3. Chương III. Đảm bảo hoạt động và chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động: Gồm 06 điều (*từ Điều 22 đến Điều 27*), quy định về: (1) kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho Cảnh sát cơ động; (2) trang bị của Cảnh sát cơ động; (3) trang phục, công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân, giấy chứng nhận công tác đặc biệt của Cảnh sát cơ động; (4) chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; (5) tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động; (6) đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động.

4. Chương IV. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Cảnh sát cơ động: Gồm 05 điều (*từ Điều 28 đến Điều 32*), quy định về: (1) nội dung quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động; (2) trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động; (3) trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; (4) trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; (5) trách nhiệm và chế độ chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động.

5. Chương V. Điều khoản thi hành: Gồm 01 điều (Điều 33) quy định về hiệu lực thi hành.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật Cảnh sát cơ động quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát cơ động; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.2. Giải thích từ ngữ (Điều 2)

Luật Cảnh sát cơ động giải thích 02 từ ngữ, gồm:

(1) *Biện pháp vũ trang* là cách thức, phương pháp sử dụng sức mạnh tinh thần, thể chất, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để Cảnh sát cơ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

(2) *Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động* bao gồm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc Cảnh sát cơ động.

1.3. Vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động (Điều 3)

Theo quy định tại Điều 3 Luật Cảnh sát cơ động, *Cảnh sát cơ động là lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Công an nhân dân Việt Nam, là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.*

Quy định về vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động cơ bản kế thừa các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, bổ sung làm rõ vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động là lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng chuyên trách, nòng cốt áp dụng biện pháp vũ trang trấn áp kịp thời mọi hoạt động gây phương hại đến an ninh, trật tự, bạo loạn vũ trang, khủng bố, biểu tình bất hợp pháp, trấn áp tội phạm sử dụng vũ khí, tham gia đấu tranh triệt phá các băng, ổ nhóm tội phạm có tổ chức để bảo vệ an ninh, quốc gia.

1.4. Nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động (Điều 4)

Luật Cảnh sát cơ động quy định 05 nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động, gồm:

Một là, đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy, quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an.

Hai là, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Ba là, dựa vào Nhân dân, phát huy sức mạnh của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ biện pháp vũ trang với các biện pháp công tác khác của lực lượng Công an nhân dân trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Năm là, bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Quy định về nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động nêu trên cơ bản kế thừa các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, đồng thời bổ sung quy định nguyên tắc tập trung, thống nhất trong chỉ huy, chỉ đạo theo phân công, phân cấp từ Trung ương đến địa phương để phù hợp với đặc thù, tính chất của Cảnh sát cơ động là lực lượng vũ trang chiến đấu tập trung.

1.5. Xây dựng Cảnh sát cơ động (Điều 5)

Điều 5 Luật Cảnh sát cơ động quy định về xây dựng Cảnh sát cơ động như sau:

“1. Nhà nước xây dựng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ưu tiên nguồn lực phát triển Cảnh sát cơ động.

2. Cơ quan, tổ chức và công dân Việt Nam có trách nhiệm tham gia xây dựng Cảnh sát cơ động trong sạch, vững mạnh”.

Quy định trên kế thừa quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, đồng thời chỉnh lý một số thuật ngữ đảm bảo phù hợp với Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về chiến lược bảo vệ An ninh quốc gia trong đó đã xác định: *“Ưu tiên kinh phí, đầu tư trang bị phương tiện đối với lực lượng an ninh, tình báo, cảnh sát cơ động, kỹ thuật nghiệp vụ, an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy và lực lượng phòng cháy, chữa cháy; bảo đảm lực lượng an ninh, tình báo, cảnh sát cơ động, kỹ thuật nghiệp vụ, an ninh mạng tiến thẳng lên hiện đại”.* Nội dung điều khoản quy định về xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động mang tính định hướng nhằm đảm bảo tính thống nhất về tổ chức, quản lý lực lượng trong các quy định ở các chương tiếp theo, đồng thời tạo cơ sở pháp lý vững chắc để xây dựng Cảnh sát cơ động thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.6. Ngày truyền thống của Cảnh sát cơ động (Điều 6)

Luật Cảnh sát cơ động quy định *“Ngày 15 tháng 4 hằng năm là ngày truyền thống của Cảnh sát cơ động”.*

Đây là quy định mới của Luật, việc quy định rõ ngày truyền thống của Cảnh sát cơ động nhằm thể hiện rõ vai trò quan trọng của yếu tố xây dựng truyền thống lực lượng cũng như khẳng định sự lớn mạnh, trưởng thành của Cảnh sát cơ động trong thời gian qua. Theo đó Cảnh sát cơ động lấy ngày ra mắt (15/4/1974) là ngày truyền thống.

1.7. Các hành vi bị nghiêm cấm (Điều 8)

Luật Cảnh sát cơ động quy định 05 nhóm hành vi bị nghiêm cấm, gồm:

(1) Chống đối, cản trở hoạt động của Cảnh sát cơ động; trả thù, đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh

sát cơ động, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động trong thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ.

(2) Chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng, tàng trữ, sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động.

(3) Mua chuộc, hối lộ hoặc có hành vi ép buộc cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động làm trái với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

(4) Giả danh cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; giả mạo phương tiện, làm giả, mua bán, sử dụng trái phép trang phục, phù hiệu, con dấu, giấy chứng nhận công tác đặc biệt của Cảnh sát cơ động.

(5) Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động lạm dụng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác để vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

So với Pháp lệnh, Luật Cảnh sát cơ động đã bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm, như: Chống đối, cản trở hoạt động của Cảnh sát cơ động; trả thù, đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động trong thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ; chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng, tàng trữ, trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động; mua chuộc, hối lộ hoặc có hành vi ép buộc cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động làm trái với nhiệm vụ, quyền hạn được giao...

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các hoạt động của Cảnh sát cơ động đã tác động trực tiếp đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân do đó việc quy định nghiêm cấm cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn đối với nhân dân khi thi hành nhiệm vụ cũng như việc nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, cá nhân đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động trong thi hành công vụ là rất cần thiết. Đồng thời, Cảnh sát cơ động được trang bị những loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ công tác chiến đấu, do đó điều luật đã bổ sung quy định nghiêm cấm việc chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng, tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động. Các quy định về các hành vi bị nghiêm cấm làm cơ sở pháp lý vững chắc đảm bảo hoạt động của Cảnh sát cơ động và thống nhất với quy định về nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Cảnh sát cơ động trong Luật.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát cơ động (Chương II)

2.1. Nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động (Điều 9)

Luật Cảnh sát cơ động quy định 09 nhiệm vụ cơ bản của Cảnh sát cơ động, trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, đồng thời chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với những nhiệm vụ Cảnh sát cơ động đang thực hiện và tình hình thực tế. Trong đó nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát của Cảnh sát cơ động được xây dựng trên cơ sở kế thừa quy định tại Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, theo đó việc thực hiện nhiệm vụ vũ trang tuần tra, kiểm soát của Cảnh sát cơ động là nhằm mục đích phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là các đối tượng có hành vi cản trở, chống người thi hành công vụ. Quá trình tuần tra, kiểm soát, Cảnh sát cơ động sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật và động vật nghiệp vụ theo kế hoạch, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hình thức tuần tra công khai hoặc kết hợp với hóa trang, trong đó chủ yếu là thực hiện nhiệm vụ tuần tra độc lập. Từ thực tiễn trong những năm qua, công tác tuần tra, kiểm soát của Cảnh sát cơ động đã phát huy cao hiệu quả trong bảo đảm an ninh, trật tự tại các địa bàn trọng điểm trên cả nước, kịp thời phát hiện, khống chế, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần răn đe, thị uy các đối tượng phạm tội.

2.2. Quyền hạn của Cảnh sát cơ động (Điều 10)

Luật Cảnh sát cơ động quy định Cảnh sát cơ động có 07 quyền hạn, trong đó, tại khoản 3 quy định, Cảnh sát cơ động có thẩm quyền “*Ngăn chặn, vô hiệu hóa tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trực tiếp tấn công, đe dọa tấn công hoặc xâm phạm mục tiêu bảo vệ của Cảnh sát cơ động trong phạm vi khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ*”. Thực tế, hiện nay các loại phương tiện bay siêu nhẹ được sử dụng rất rộng rãi trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, tiềm ẩn nguy cơ đe dọa gây mất an toàn các mục tiêu bảo vệ. Do vậy, để đảm bảo cơ sở pháp lý cho Cảnh sát cơ động chủ động ngăn chặn, vô hiệu hóa tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong trường hợp các phương tiện này trực tiếp tấn công, xâm phạm hoặc đe dọa tấn công hoặc xâm phạm mục tiêu bảo vệ của Cảnh sát cơ động là phù hợp.

Luật cũng quy định Cảnh sát cơ động có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp sơ đồ, thiết kế của công trình, trụ sở, nhà ở, phương tiện, trừ công trình quốc phòng, khu quân sự, phương tiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; được vào trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân để giải cứu con tin, trấn áp khủng bố. Quy định này là phù hợp với quy định về nhiệm vụ

của Cảnh sát cơ động. Theo đó, một trong những nhiệm vụ chính của Cảnh sát cơ động là chống khủng bố, để đáp ứng yêu cầu tác chiến khi có tình huống xảy ra tại các trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân thì Cảnh sát cơ động cần được cung cấp sơ đồ, thiết kế của công trình, trụ sở, nhà ở, phương tiện để xây dựng phương án chống khủng bố. Đồng thời, được vào trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân để thực hiện biện pháp chống khủng bố, giải cứu con tin.

2.3. Bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt (Điều 11)

Luật quy định, hoạt động của Cảnh sát cơ động bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt bao gồm: (1) Canh gác, tuần tra, kiểm soát; (2) Kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, đồ vật, tài liệu ra vào khu vực mục tiêu bảo vệ; (3) Phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi gây mất an toàn, đe dọa gây mất an toàn mục tiêu bảo vệ, chuyển hàng đặc biệt.

Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định danh mục mục tiêu bảo vệ, hàng đặc biệt do Cảnh sát cơ động bảo vệ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp, hỗ trợ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; các hành vi gây mất an toàn, đe dọa gây mất an toàn mục tiêu bảo vệ.

2.4. Tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự (Điều 12)

Luật quy định, Cảnh sát cơ động tuần tra, kiểm soát khu vực, tuyến, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự hoặc khi có sự kiện chính trị quan trọng. Hoạt động tuần tra, kiểm soát phải tuân thủ quy định của pháp luật, phương án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hoạt động tuần tra, kiểm soát của Cảnh sát cơ động bao gồm: (1) Bố trí lực lượng, phương tiện, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát; (2) Kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, đồ vật, tài liệu theo quy định; (3) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật.

Cảnh sát cơ động được kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, đồ vật, tài liệu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (1) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự; (2) Phát hiện người phạm tội quả tang, người bị truy nã, bị truy tìm; (3) Có căn cứ cho rằng trong người, phương tiện có cất giấu đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luật, nếu không kiểm tra, kiểm soát ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện đó bị tẩu tán, tiêu hủy.

Luật giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình hoạt động tuần tra, kiểm soát của Cảnh sát cơ động.

2.5. Vào trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân để chống khủng bố, giải cứu con tin (Điều 13)

Đây là quy định mới của Luật, theo đó:

- Việc vào trụ sở của cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố.

- Trường hợp vào trụ sở của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của pháp luật về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

- Trường hợp vào trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và chỗ ở của thành viên các cơ quan này tại Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2.6. Biện pháp công tác của Cảnh sát cơ động (Điều 14)

Tại khoản 14 Điều 16 Luật Công an nhân dân có quy định Công an nhân dân được áp dụng 07 biện pháp công tác để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, để đảm bảo tính thống nhất, tránh trùng lặp về nội dung của hệ thống pháp luật, Luật Cảnh sát cơ động quy định Cảnh sát cơ động phải kết hợp chặt chẽ biện pháp vũ trang với các biện pháp công tác khác trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động.

2.7. Sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ (Điều 15)

Luật quy định việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động và thẩm quyền ra mệnh lệnh sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của người chỉ huy trực tiếp phương án tác chiến khi ra quân thực hiện nhiệm vụ, cụ thể:

- Khi thực hiện nhiệm vụ độc lập, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và được nổ súng quân dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Cảnh sát cơ động phải tuân theo mệnh lệnh của người chỉ huy trực tiếp. Người ra mệnh lệnh phải tuân thủ quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, quy định của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về quyết định của mình.

- Việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khi thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động trong huấn luyện, diễn tập thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.8. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự (Điều 16)

Luật quy định Cảnh sát cơ động được quyền huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách để thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời quy định chặt chẽ thẩm quyền huy động của Cảnh sát cơ động chỉ trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra. Quy định này cũng phù hợp với quy định về thẩm quyền huy động của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được quy định tại khoản 16 Điều 16 Luật Công an nhân dân “*Huy động, trưng dụng theo quy định của pháp luật phương tiện thông tin, phương tiện giao thông, phương tiện khác và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện đó trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra*”. Quy định như vậy đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất của hệ thống pháp luật và các quy định này là hết sức cần thiết để đảm bảo hành lang pháp lý vững chắc cho Cảnh sát cơ động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2.9. Hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động (Điều 17)

Hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động bao gồm: (1) Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động; (2) Cảnh sát cơ động Công an cấp tỉnh.

Luật giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết về hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động.

Về tổ chức bộ máy hiện tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động gồm 34 đầu mối đơn vị cấp phòng và các Trung đoàn, Tiểu đoàn trực thuộc; Công an cấp tỉnh có 61 phòng Cảnh sát cơ động, 02 phòng Cảnh sát bảo vệ, 02 Trung đoàn Cảnh sát cơ động.

2.10. Nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động (Điều 18)

Đây là một nội dung mới so với Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, Luật quy định cán bộ, chiến sĩ phải thực hiện 05 nghĩa vụ, trách nhiệm trong quá trình đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Về cơ bản, nghĩa vụ, trách nhiệm của Cảnh

sát cơ động được quy định như nghĩa vụ, trách nhiệm của sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân được quy định tại Điều 31 Luật Công an nhân dân. Để đáp ứng với vị trí, vai trò Cảnh sát cơ động là lực lượng nòng cốt áp dụng biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt là triển khai thực hiện các phương án tác chiến trấn áp kịp thời mọi hoạt động gây phương hại đến an ninh, trật tự, bạo loạn vũ trang, khủng bố, biểu tình bất hợp pháp; trấn áp tội phạm có sử dụng vũ khí, tham gia đấu tranh triệt phá các băng, ổ, nhóm tội phạm có tổ chức, thì việc quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động là rất cần thiết, qua đó tạo hành lang pháp lý đầy đủ, rõ ràng cho cán bộ chiến sĩ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2.11. Trách nhiệm của Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an cấp tỉnh (Điều 19)

Điều 19 Luật Cảnh sát cơ động cơ bản kế thừa Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, quy định:

- Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an về hoạt động của Cảnh sát cơ động.

- Giám đốc Công an cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo lực lượng Cảnh sát cơ động thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng Bộ Công an.

2.12. Điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ (Điều 20)

Luật quy định có 04 đối tượng được phép điều động Cảnh sát cơ động, bao gồm:

- *Bộ trưởng Bộ Công an*: điều động Cảnh sát cơ động trong phạm vi toàn quốc để thực hiện nhiệm vụ.

- *Tư lệnh Cảnh sát cơ động*: điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp: thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án thuộc thẩm quyền phê duyệt; theo phương án đã được cấp trên phê duyệt, được ủy quyền phê duyệt hoặc khi được giao chủ trì chỉ huy giải quyết các tình huống cụ thể và thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cấp bách và đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an.

- *Giám đốc Công an cấp tỉnh*: điều động đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp: Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án đã được cấp trên phê duyệt hoặc thuộc thẩm quyền phê

duyet; thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn quản lý trong trường hợp cấp bách và đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an.

- *Chỉ huy đơn vị Cảnh sát cơ động*: điều động, sử dụng đơn vị thuộc quyền để thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; điều động đơn vị thuộc quyền tham gia phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ và đồng thời báo cáo chỉ huy cấp trên trực tiếp.

2.13. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động (Điều 21)

Luật quy định nguyên tắc phối hợp, nội dung phối hợp, cơ chế Chỉ huy Cảnh sát cơ động trong thực hiện nhiệm vụ và giao cho Chính phủ quy định cụ thể việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thời gian qua, đặc biệt là trong giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, Công an nhân dân nói chung, Cảnh sát cơ động nói riêng phải phối hợp với nhiều lực lượng, cơ quan, ban ngành trên cơ sở thực hiện theo phương châm “*4 tại chỗ*”. Để phân định rõ phạm vi nhiệm vụ cũng như vai trò của từng cơ quan khi phối hợp với Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ, Luật đã quy định cụ thể về nguyên tắc phối hợp phải dựa trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bảo đảm sự chủ trì, điều hành tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, chỉ huy thực hiện nhiệm vụ có liên quan.

3. Bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động (Chương III)

3.1. Trang bị của Cảnh sát cơ động (Điều 23)

Luật quy định Cảnh sát cơ động được trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tàu bay, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Việc trang bị tàu bay, tàu thuyền cho Cảnh sát cơ động đã được quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động và Điều 9 Nghị định số 77/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động. Việc trang bị máy bay, tàu thuyền cho Cảnh sát cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Theo đó, Cảnh sát cơ động sử dụng tàu bay, tàu thủy để thực hiện nhiệm vụ tuần tra, thị sát, cơ động chiến đấu, vận chuyển cán bộ, chiến sỹ, vũ khí, trang bị, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm trong tình huống đột xuất ở các địa hình mà các phương tiện khác không thể tiếp cận được, như tại địa hình khó khăn, hiểm trở, thiên tai, bão lũ giao thông

bị chia cắt... Mặt khác, trước tình hình các tổ chức khủng bố, tội phạm trên thế giới ngày càng có nhiều phương thức, thủ đoạn mới, sử dụng, trang bị thiết bị hiện đại, đòi hỏi lực lượng thực thi pháp luật, trong đó Cảnh sát cơ động phải được trang bị hiện đại để tác chiến kịp thời.

3.2. Tuyển chọn công dân vào lực lượng Cảnh sát cơ động (Điều 26)

Điều 26 quy định về tuyển chọn công dân vào lực lượng Cảnh sát cơ động như sau:

“1. Công dân Việt Nam không phân biệt nam, nữ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, độ tuổi phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tự nguyện thì được tuyển chọn vào Cảnh sát cơ động.

2. Cảnh sát cơ động được ưu tiên tuyển chọn công dân theo quy định tại khoản 1 Điều này có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc có năng khiếu, tài năng phù hợp để phục vụ lâu dài trong Cảnh sát cơ động.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Điều này”.

Đây là quy định mới được bổ sung so với Pháp lệnh, Pháp lệnh Cảnh sát cơ động chỉ quy định *“Cảnh sát cơ động phải tuyển chọn nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao”*. Để đảm bảo xây dựng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, việc quy định điều kiện, tiêu chuẩn được tuyển chọn vào Cảnh sát cơ động là cần thiết, làm căn cứ để giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết.

3.3. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động (Điều 27)

Luật Cảnh sát cơ động quy định:

- Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ; huấn luyện quân sự, võ thuật và kiến thức cần thiết khác phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao; khuyến khích phát triển tài năng để phục vụ lâu dài trong Cảnh sát cơ động.

- Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được tổ chức theo biểu biên chế và bố trí sử dụng phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn hoạt động của từng đơn vị, lực lượng.

Quy định này kế thừa quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, việc bố trí sử dụng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động cần phải đảm bảo sự phù hợp về độ tuổi, khả năng chuyên môn theo đặc thù hoạt động của từng lực lượng thuộc Cảnh sát cơ động xứng đáng là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh, trật tự.

4. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Cảnh sát cơ động (Chương IV)

4.1. Nội dung quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động (Điều 28)

Luật quy định 07 nội dung quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động, gồm:

- (1) Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, pháp luật về Cảnh sát cơ động.
- (2) Tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Cảnh sát cơ động.
- (3) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Cảnh sát cơ động.
- (4) Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động.
- (5) Thực hiện chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động.
- (6) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động của Cảnh sát cơ động.
- (7) Hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động.

Bộ Công an được giao trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động, do đó về bản chất, nội dung của Điều luật cơ bản là kế thừa quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động đảm bảo tính hệ thống, thống nhất trong các quy định của Luật cũng như thuận tiện trong triển khai và áp dụng.

4.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động (Điều 29)

Luật quy định trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động như sau:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.
- Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.
- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.

Theo đó, Chính phủ là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động. Bộ Công an là cơ quan trực thuộc Chính phủ, chịu sự quản lý, điều hành của Chính phủ, do đó Bộ trưởng Bộ Công an được giao trực tiếp thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động và chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong lĩnh vực này.

4.3. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 30)

Luật Cảnh sát cơ động quy định Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Phối hợp với Bộ Công an quy hoạch quỹ đất phù hợp để xây dựng trụ sở đóng quân, thao trường huấn luyện cho Cảnh sát cơ động.

- Hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động của Cảnh sát cơ động phù hợp với khả năng của địa phương và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Cảnh sát cơ động.

- Ưu tiên thực hiện chính sách về nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động theo quy định của pháp luật.

4.4. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận (Điều 31)

Luật Cảnh sát cơ động quy định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về Cảnh sát cơ động; giám sát việc thực hiện pháp luật về Cảnh sát cơ động; hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ.

5. Hiệu lực thi hành (Điều 33)

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Cơ quan TW đóng tại địa phương;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền)

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

để
tuyên
truyền

